TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/12/2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T CH, TỈNH A G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T Ch, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Chtham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T Chxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 13, ấp L H, xã L A, thị xã T Ch, tỉnh A G (có mặt);

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 13, ấp L H, xã L A, thị xã T Ch, tỉnh A G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Hôn nhân giữa chị và anh T là do cha mẹ định đoạt và chị cũng đồng ý nên tiến đến kết hôn với nhau vào năm 1999. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L A, theo giấy chứng nhận kết hôn số 528/HT, quyển số 03/2002 ngày 20/10/2002. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình bên chồng được 03 năm rồi ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống trong việc quản lý thu chi tiền bạc gia đình nên thường xuyên xung đột, cải vã và đỉnh điểm là anh T có đánh chị bằng tay, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm

2021 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có tất cả là 02 người con tên Nguyễn Q T, sinh năm 2001 (hiện nay đã trưởng thành và lao động được) và Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay cháu N đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị N.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị N trình bày. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do vợ qua lại với người anh không thích, anh nói với vợ thì vợ không nghe, từ đó vợ chồng đã xãy ra Nều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh thừa nhận trong lúc nóng giận anh có dùng tay đánh chị N. Vợ chồng anh không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh còn thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có tất cả là 02 người con tên Nguyễn Q T, sinh năm 2001 (hiện nay đã trưởng thành và lao động được) và Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay N đang sống với N. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu về con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2022, ông Nguyễn X H là Phó trường ấp L H, xã L A trình bày: Hôn nhân giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L A, thị xã T Ch vào năm 2002. Sau khi kết hôn N và T sinh sống tại tổ 13, ấp L H, xã L A, thị xã Tân Châu,tỉnh An Giang. Mâu thuẫn giữa N và T xãy ra như thế nào thì địa phương không nắm rõ, quá trình sống chung N và T có 02 đứa con chung tên Nguyễn Q T, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Á N, sinh năm 2005 hiện đang sống chung với chị N.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203, 227 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Q T, sinh năm 2001 (hiện nay đã trưởng thành và lao động được) và Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay cháu N đang sống với chị N. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005 và đó cũng là nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với chị N. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Nphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã T Chnhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Võ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại tổ 13, ấp L H, xã L A, thị xã T Ch, tỉnh A G là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1999 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra Nều mâu thuẫn, phía chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống trong việc quản lý thu chi tiền bạc gia đình nên thường xuyên xung đột, cải vã và đỉnh điểm là anh T có đánh chị bằng tay, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Còn phía anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ qua lại với người anh không thích, anh nói với vợ thì vợ không nghe, từ đó vợ chồng đã xãy ra Nều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh thừa nhận trong lúc nóng giận anh có dùng tay đánh chị N. Vợ chồng anh không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh còn thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà anh chị đều khai mâu thuẫn gia đình của anh chị là trầm trọng. Khi xảy ra mâu thuẫn thì anh T đã dùng bạo lực gia đình đối với chị

N là anh đã có hành vi dùng tay đánh chị N. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử cũng đã động viên chị N để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn với anh T. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con tên Nguyễn Q T, sinh năm 2001 (hiện nay đã trưởng thành và lao động được) và Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay cháu N đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và lợi ích của con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và đó cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Á N.

"Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Anh T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoạc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Nphải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

1. *Về hôn nhân:* Chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 528/HT, quyển số 03/2002 ngày 20/10/2002 do UBND xã L A, thị xã T Ch, tỉnh A G cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị N không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Á N, sinh ngày 12/01/2005 cho chị Võ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Á N trưởng thành và lao động được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

"Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Anh T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoạc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0004932 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T Ch, tỉnh A G.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;

- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm